

Tục đốt pháo Tết Nguyên Đán ở Việt Nam

ISSN: 2734-9195 14:10 16/02/2026

Cả ngàn năm du nhập, tục đốt pháo Tết được nhân dân ta lĩnh hội và tiếp thu dần trở thành một phong tục không thể thiếu trong mỗi dịp tết Nguyên đán.

Tác giả: **Thủy Nguyễn**
CLB Di sản và văn hóa Á Đông

Dẫn nhập

Việt Nam là một quốc gia có sự đa dạng, phong phú về văn hóa và phong tục tập quán. Đó là cả một quá trình dài, khởi nguồn từ nhiều phương thức, trong đó, có tự nguyện và ép buộc, có lĩnh hội và tiếp thu, có cải tiến và sáng tạo.

Bài viết dẫn quý độc giả ngược dòng thời gian tìm hiểu một phong tục xưa cũ du nhập vào Việt Nam và trở thành một nét văn hóa độc đáo mỗi dịp Tết đến xuân về của người Việt, đó là tục đốt pháo.

Từ khóa: Tết, **tết Nguyên Đán**, pháo, tục đốt pháo, pháo hoa, giao thừa



Nguồn: Internet

Nguồn gốc

Mỗi dịp Tết đến xuân về, khắp nẻo đường góc phố, người mua kẻ bán rộn ràng, tấp nập. Góc đường có ông đồ già ngồi viết câu đối Tết; các gia đình quây quần bên nhau dọn dẹp nhà cửa, bánh chưng; trẻ con vui đùa đốt pháo quanh xóm,... Tiếng pháo nổ râm ran, mùi thuốc pháo khét lẹt từng là ký ức tuổi thơ của rất nhiều thế hệ. Vậy pháo có từ khi nào và với mục đích gì, ta cùng tìm hiểu về ba giai đoạn hình thành và phát triển của pháo.

Sự hình thành và phát triển của pháo

Giai đoạn pháo tre



Đốt pháo tre. Nguồn: Internet

𣎵 (Bộc trúc), bộc là đốt, trúc là tre; được đặt tên theo tiếng 𣎵 (đùng đoàng) khi người ta bịt kín hai đầu ống tre và đốt, tre chịu nhiệt nở ra làm nút ống gây ra tiếng nổ lẹt đẹt, đùng đoàng; bắt nguồn từ tục 𣎵 (Bộc tế)[1] để thờ thần và xua đuổi tà ma. Bộc tế là nghi thức đốt củi, có sự tương đồng với nghi lễ 𣎵 (Cửu tế) trong cuốn Chu lễ, tập 6: Xuân quan tông bá hạ, Tứ bộ tùng san nhà Minh ấn bản, tờ 30 - 35, trong đó nghi lễ thứ ba là 𣎵 (Pháo tế). Bộc tế không chỉ đơn giản là đốt một đống củi, mà phải đảm bảo khi đốt phải phát ra âm thanh. Người xưa đã nghĩ ra cách dùng tre xếp chồng lên nhau để đốt, nhờ nhiệt độ làm cho hơi nước trong thân tre bay hơi, tạo ra tiếng nổ lớn, đạt được hiệu quả về âm thanh khi nổ. Vì vậy, tre đã trở thành một nguyên liệu không thể thiếu trong nghi lễ Bộc tế.

Trong cuốn Khâm định cổ kim đồ thư tập thành - Lịch tượng hồi biên - Tuế công điển, quyển 95: Trừ tịch bộ tạp lục, có dẫn lại kinh điển của Phạm Lãi[2] viết về hoạt động đốt tre như sau: “□□□□□□□□□□
□□□□□□ / Đào Chu công thư: Đêm trừ tịch, đốt chậu pháo tre (trúc), ánh lửa chiếu sáng ruộng dâu[3], đồng thời thấy sự yên tĩnh trong đêm ấy là điều may mắn.”[4] Sang thời nhà Lương[5], trong sách Kinh Sở tuế thời ký[6], tác giả Tông Lãm đã viết về phong tục đốt pháo đầu năm như sau: “□□□□,
□□□□□□, □□□□□□□□□□□□□□□□ / Ngày mừng Một tháng Giêng là ngày Tam Nguyên[7], Xuân Thu gọi là Đoan Nguyệt[8]. Thức dậy khi gà gáy, việc trước tiên là đốt ống tre trước sân, để xua đuổi tà ma và quái ác.”[9] Vậy bọc trúc chính là loại pháo đầu tiên xuất hiện ở Trung Quốc bằng tre và không sử dụng thuốc nổ. Nhằm phục vụ cho các nghi lễ trừ ma, quỷ và nghi lễ nông nghiệp với ý nghĩa cầu chúc mùa màng bội thu và tầm cho nhiều kén.

Giai đoạn pháo nổ



Đốt pháo nổ. Nguồn: Internet

□ (Bộc can) là pháo sử dụng thuốc nổ, được chế tạo vào thời nhà Đường (618 - 907), cuốn Nghệ thuật dân gian Trường Sa[10] của Trần Trạch Huy chép: “Pháo Lưu Dương[11], bao gồm cả pháo nổ và pháo hoa, có thể truy ngược lịch sử từ thời Đường và Tống.”[12] Đi liền với đó là truyền thuyết, vào cuối nhà Tùy và đầu nhà Đường, Tôn Tư Mạc, một nhà giả kim sống ẩn dật trong một hang động bên ngoài cổng phía đông của quận Lưu Dương đã vô tình chế tạo ra □ (hỏa dược)[13] bằng lưu huỳnh, diêm tiêu, than củi. Thời Thái Tông Hoàng đế[14], phía đông Hồ Nam liên tục bị hạn hán và ôn dịch, người dân lâm vào cảnh khốn cùng. Để trừ tà, đẩy lùi dịch bệnh, một người đàn ông ở Lưu Dương tên là Lý Điền[15] đã đổ lưu huỳnh, diêm tiêu, than củi vào trong ruột ống tre, bịt kín hai đầu ống tre lại và đốt. Sau khi đốt, loại pháo này phát ra tiếng nổ rất lớn và kèm theo một làn khói dày đặc, có mùi thuốc súng, nhờ đó mà giúp đẩy lùi dịch bệnh.

pháo nổi dài hơn trăm chiếc, đốt lên (khiến pháo) nổ liên thanh không ngừng, tiếng tiêu, trống vang lên chào xuân.”[20] Như vậy, thời kỳ này, pháo đã có sự cải tiến là người ta đã biết dùng giấy để thay thế ống tre và dùng ngòi, dây pháo để kích hoạt pháo nổ chứ không đốt pháo trực tiếp trên lửa nữa.

Giai đoạn pháo hoa

⦿ (pháo hoa) là đỉnh cao của sản xuất pháo nổ, thuở ban đầu pháo hoa chỉ được sử dụng trong dịp Tết và các lễ hội trong hoàng cung chứ chưa được phổ biến trong dân gian. Trong tác phẩm Vũ Lâm cự sự, hồi tưởng về màn bắn pháo hoa hoành tráng trong hoàng cung Nam Tống (1127 - 1279) vào đêm Nguyên tịch[21], Chu Mật viết: “



/ Khi đêm đã khuya, canh giờ trong cung đã điểm, bắt đầu cho phép bắn hơn trăm pháo, tiếng nhạc vang lên bốn phía, ánh nến chiếu rọi khắp nơi, và đoàn nghi giá[22] bắt đầu trở về. Như là đang tận hưởng sự phồn vinh của thời kỳ Thuận Hòa (tức là triều đại Bắc Tống, khoảng năm 1109 - 1125), tuy nhiên mọi thứ đã trở nên tinh xảo hơn.”[23] Như vậy, pháo hoa đã có từ thời Thuận Hòa Bắc Tống, sang đến thời Nam Tống đã có sự cải tiến tinh xảo hơn.

Sang thời nhà Minh (1368 - 1644) và nhà Thanh (1636 - 1912) pháo hoa đã mở ra thời kỳ hoàng kim với sự đa dạng cả về chủng loại và màu sắc, các loại pháo hoa cầm tay cũng đã được sản xuất. Trong cuốn Mặc nga tiểu lục[24] của Đào Tông Nghi[25] (cuối thời Nguyên, đầu thời Minh), tập 6: Pháo hoa, ghi chép về 22 công thức chế tạo pháo hoa, bao gồm “kim trăm ngân đài”, “bạch mẫu đơn”, “tùng trúc mai”, “thủy bình hoa”, “tử bồ đào” và nhiều loại khác. Giai đoạn này, về cơ bản các hộ gia đình sẽ đốt pháo hoa cùng nhiều loại pháo nổ khác để ăn mừng trong dịp tết Nguyên Đán. Một trong tứ đại danh tác Trung Hoa, tác phẩm Hồng lâu mộng của tác giả Tào Tuyết Cần, thời nhà Thanh miêu tả cảnh đốt pháo của một gia đình quý tộc giàu có trong đêm giao thừa với các loại pháo đa dạng về chủng loại và màu sắc như sau: “Giả Dung nghe nói, liền dẫn bọn người hầu dựng cái giá ở sân, rồi treo sẵn pháo lên. Thứ pháo này là của các nơi đem đến tiến cống, tuy không to lắm, nhưng làm rất công phu, khi pháo nổ, sẽ có đủ những sự tích và đủ các màu sắc, lại kèm thêm pháo hoa... Đương nói chuyện thì bên ngoài đã đốt luôn các thứ pháo. Nào là kiểu "mãn thiên tinh" (sao khắp trời), nào là "cửu long nhập vân" (chín con rồng lượn trong đám mây), nào là "bình địa nhất thanh lôi" (một tiếng sấm trên đất bằng), nào là "phi thiên thập hưởng" (mười tiếng nổ tung trên trời). Đốt pháo xong, lại sai bọn con hát nhỏ đánh một hồi trống "liên hoa lạc" (hoa sen rụng), rồi rắc đầy tiền trên sàn hát để đám trẻ con lên cướp làm trò vui.”[26]



Cảnh đốt pháo trong bức tranh “Niềm vui năm mới của vua Càn Long”. Nguồn: Cơ sở dữ liệu hình ảnh của Bảo tàng Cung điện

Như vậy, loại pháo đầu tiên là pháo tre đã có từ rất sớm, từ thời Xuân Thu, tục đốt pháo thường diễn ra vào đêm giao thừa, thể hiện mong muốn cầu điềm tốt lành, xua đuổi điềm dữ và đặc biệt gắn liền với truyền thống nông nghiệp của nhân dân. Ban đầu pháo là hình thức đốt tre để tạo ra âm thanh, sau đó, khi người ta phát minh ra hỏa dược, nó đã được ứng dụng để sản xuất các loại pháo nổ. Và đến khi phát minh ra pháo hoa, ban đầu loại pháo này chỉ được sử dụng trong cung đình hoặc các lễ hội có quy mô lớn. Sau này, càng nhiều loại pháo hoa ra đời, với đủ loại màu sắc rực rỡ, cũng là bước đánh dấu cho sự thay đổi của thẩm mỹ cũng như nhận thức mới của thời đại. Đốt pháo không chỉ đơn thuần là phong tục để xua đuổi tà ma, bệnh dịch mà còn để mừng Tết đến.

Truyền thuyết hay sự sáng tạo dân gian mới?

Truyền thuyết

Ở Trung Quốc lưu truyền nhiều dị bản truyền thuyết về Niên thú và tục đốt pháo để đuổi Niên thú, câu chuyện được những bậc cha mẹ thường kể cho con cái vào mỗi đêm giao thừa và còn được đưa vào sách giáo khoa, sách thiếu nhi có nội dung cơ bản như sau:

Rất lâu trước đây, có một con quái vật tên là Niên, nó sống sâu dưới đáy biển. Hằng năm, vào đêm Ba mươi, Niên sẽ lên đất liền, ăn thịt người và gia súc như bò, cừu, lợn khiến người dân vô cùng sợ hãi. Đêm Ba mươi năm nọ, khi dân làng chuẩn bị lên núi để tránh quái vật, một ông lão ăn xin đã chỉ điểm cho người dân cách đối phó với con Niên là cần dán giấy đỏ lên cửa, treo đèn lồng đỏ, rồi đốt pháo ngoài sân, bảo đảm con Niên không dám đến gần. Đêm đó, khi Niên vào làng, dân làng đã dán giấy đỏ, treo đèn lồng đỏ và bắn pháo. Quả thực đúng như ông lão nói, khi thấy màu đỏ và âm thanh pháo nổ con Niên bị dọa sợ chạy đi. Câu chuyện này nhanh chóng lan truyền đến các làng xung quanh và mọi người đều biết cách xua đuổi con Niên. Từ đó trở đi, mỗi đêm giao thừa, nhà nào cũng dán giấy đỏ, đốt pháo, nhà nào cũng thắp nến sáng trưng và thức khuya chờ năm mới.



Tranh minh họa con Niên. Nguồn: Internet

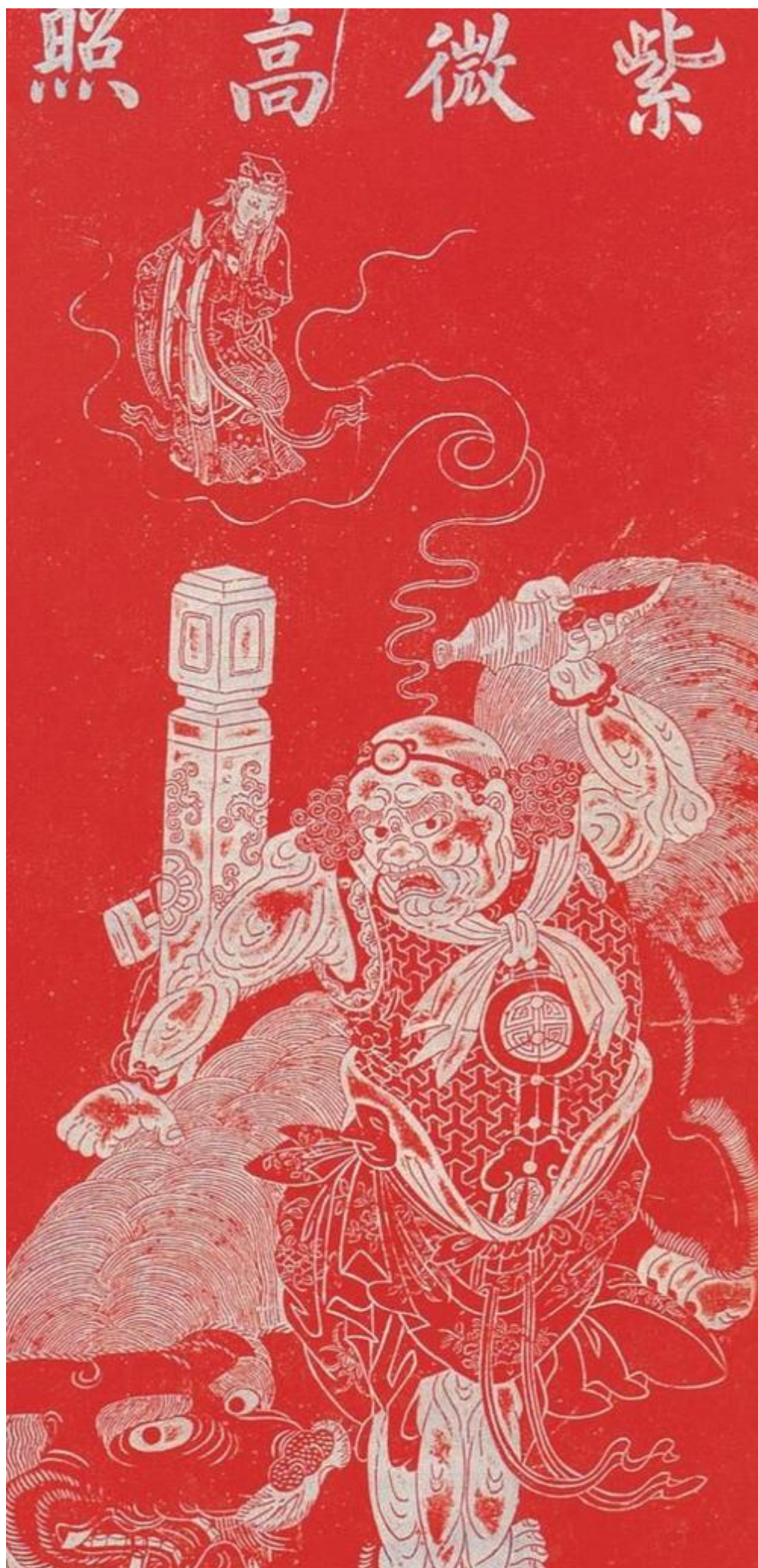
Sự sáng tạo dân gian mới

Trên thực tế, không có con thú nào tên Niên được ghi chép lại trong những kinh sách cổ, cũng không có tranh ảnh nào lưu lại hình cụ thể về con Niên. Tài liệu sớm nhất đề cập đến Niên thú là bài viết “Những ghi chép cũ về phương ngữ Thượng Hải - Hồi ức về phong tục năm mới” của Tôn Vũ Sinh đăng trên tờ báo Kim cương toàn tháng 1 năm 1933. Trong đó viết: “Có những người treo bức tranh sao Tử vi, các họa sĩ thường vẽ một cột đá, trên cột có xích một con thú giống chó mà không phải chó. Có người cho rằng con thú này chính là sao Thiên cẩu, cũng có người nói con thú này tên là Niên, thường muốn ăn thịt người. Vì sao Tử vi xích nó lại, không để nó xuống trần gian làm điều ác, nhờ đó con

người tránh được tai họa từ Niên. Do đó, dịp năm mới treo bức tranh này rất phù hợp.”[27]



Báo [] Kim cương toàn, 1/1933



Kể từ đó, trong các bài báo của Trung Quốc, xuất hiện nhiều những câu chuyện về Niên, phải kể đến bài báo với tựa đề “Truyền thuyết và phong tục ngày Tết” đăng trên Nhân Dân nhật báo[28] ngày 16 tháng 2 năm 1980 với nội dung ngày xưa có một con quái thú hung ác, miệng rộng như cái chậu máu, người ta gọi nó là Niên. Mỗi khi đến ngày 30 tháng Chạp, nó sẽ ra ngoài và tàn phá từng nhà, ăn thịt người. Sau này mọi người mới biết rằng Niên sợ tiếng động, sợ màu đỏ, sợ lửa. Để bảo vệ sự sống của mình, mọi người đã nghĩ ra nhiều cách để chống lại Niên và dần dần những cách đó trở thành phong tục đón Tết.[29] Đây là phiên bản truyền thuyết quái thú Niên phổ biến, nhưng bài viết này không đề cập đến khu vực lưu truyền, cũng không chỉ ra nguồn gốc. Tuy nhiên, rất nhiều câu chuyện dân gian và sách về phong tục học sau này đều hoặc ít nhiều chịu ảnh hưởng từ bài viết này.

Tựu chung lại, Niên thú không tồn tại từ xa xưa mà chỉ là một truyền thuyết dân gian xuất hiện khoảng một thế kỷ gần đây. Dẫu vậy, cũng không thể phủ nhận được rằng tục đốt vào vào đêm trừ tịch nhằm xua đuổi ma quỷ, cầu mong sự an lành trong năm mới của người dân là một tục lệ có từ lâu đời. Sự sáng tạo dân gian mới đem đến cho phong tục xưa cũ một câu chuyện mới, minh chứng dòng chảy văn hóa là sự không ngừng sáng tạo của con người.

Các nước đồng văn

Triều Tiên và Hàn Quốc





Bức tranh “Pháo hoa sông cầu Tokyo Ryogoku” của Harugyo Nagashima (1890)

Tác phẩm Biện nội thị nhật ký 〔 〕 [38] chép vào ngày 16 tháng 1 năm 1251 (thời Kamakura), Cựu hoàng Gosaga đã nhìn thấy pháo đốt bằng tre được sử dụng lễ hội Sagicho. Lễ hội này bắt nguồn từ một môn thể thao phổ biến vào thời kỳ Heian (794 - 1185), được giới quý tộc ưa chuộng gọi là Đánh Cầu (). Gậy để đánh cầu này có hình dạng dài, thẳng, được làm từ gỗ hoặc tre và có một đầu cứng để có thể đánh quả cầu. Những gậy cầu bị hỏng sẽ được các thầy phong thủy thu thập và đốt.

Về loại pháo sử dụng thuốc nổ, loại pháo này du nhập từ Trung Hoa vào Nhật Bản từ thời Heian, ban đầu đó là những loại pháo nhỏ có thể cầm bằng tay, được gọi là Tezutsu hanabi (). Loại pháo này sau đó đã trở nên rất phổ biến và được người dân đặc biệt yêu thích, đặc biệt là thành phố Toyohashi, tỉnh Aichi rất nổi tiếng với loại pháo hoa cầm tay này.

Thời kỳ Edo (1603 - 1868), pháo hoa có sự phát triển rực rỡ, những loại pháo hoa cỡ lớn bắt đầu xuất hiện. Trong số đó, nổi bật nhất là Tamatebako hanabi () và Tenkuu hanabi (). Tamatebako hanabi là loại pháo hoa nhỏ được giấu trong một chiếc hộp gỗ, khi được phóng ra sẽ bay lên cao. Còn Tenkuu hanabi là loại pháo hoa được bắn lên cao, thu hút sự chú ý của đông đảo mọi người. Đến cuối thời kỳ Edo, những màn bắn pháo hoa quy mô lớn trong các lễ hội và sự kiện đã trở nên phổ biến, và văn hóa pháo hoa dần dần ăn sâu vào đời sống của người dân.



Tranh vẽ Pháo hoa Omagari, thời Edo. Nguồn: Internet

Sang thời kỳ Meiji (1868 - 1912), các Nhật bản đã bắt đầu tự sản xuất được pháo hoa, số lượng các loại pháo hoa cũng trở nên đa dạng hơn. Pháo hoa gắn liền với văn hóa, truyền thống của Nhật Bản, như vào dịp Obon (lễ tưởng nhớ tổ tiên) và tết Nguyên đán, người Nhật bắn pháo hoa để chào đón linh hồn tổ tiên và xua đuổi tà ma. Chính vì vậy, pháo hoa mang những ý nghĩa rất đặc biệt đối với người dân Nhật Bản, ngay cả trong thời hiện đại bây giờ.

Dòng chảy tất yếu của lịch sử, không riêng gì Trung Quốc, các quốc gia có văn hóa đồng văn cũng đều có sự chuyển biến từ ban đầu đốt pháo để xua đuổi tà ma sang đốt pháo để ăn mừng trong năm mới. Ngày nay, ở một số quốc gia, pháo nổ đã bị cấm đốt, sản xuất, buôn bán khi không có sự cho phép của nhà nước. Dẫu vậy, vào đêm giao thừa pháo hoa vẫn được nhà nước và một số tổ chức cho bắn dưới sự kiểm soát của chặt chẽ để đảm bảo an toàn, là minh chứng cho một phong tục không thể thiếu trong dịp Tết.

Dòng chảy tất yếu của lịch sử, không riêng gì Trung Quốc, các quốc gia có văn hóa đồng văn cũng đều có sự chuyển biến từ đốt pháo để xua đuổi tà ma sang đốt pháo để ăn mừng trong năm mới. Ngày nay, ở một số quốc gia, pháo nổ đã bị cấm đốt, sản xuất, buôn bán khi không có sự cho phép của nhà nước. Dẫu vậy, vào đêm giao thừa pháo hoa vẫn được nhà nước và một số tổ chức cho bắn dưới sự kiểm soát của chặt chẽ để đảm bảo an toàn, là minh chứng cho một phong tục không thể thiếu trong dịp Tết.

Quá trình du nhập và phát triển của pháo ở Việt Nam



Nguồn: Internet

Pháo du nhập vào nước ta từ khi nào?

Trong bài “Tiếng pháo ngày xưa” đăng trên Hà Thành ngọc báo, số 1625, năm 1933, tác giả Nam Chân nêu quan điểm về nguồn gốc tục đốt pháo của Việt Nam như sau: “Ai cũng biết rằng cái tục đốt pháo của ta đã có từ lâu, không biết các nhà học bảo từ đời nào, nhưng riêng tôi, tôi dám đảm bảo rằng có từ lúc người Tàu sang đô hộ ta, Tết đến họ đốt pháo, nên các cụ ta mới bắt chước. Gia dĩ thời bấy giờ các cụ ta có cái tính sợ ma quỷ, nên Tết mới mua pháo đốt, bảo rằng để cho ma quỷ nó sợ, khỏi đến trêu quấy trong buổi đầu năm. Rồi cái tục ấy lưu truyền mãi đến ngày nay, cho nên năm nào cũng cứ Tết đến là bà con ta lại đua nhau mua pháo về đốt.”[39] Người soạn cũng có cùng quan điểm với tác giả Nam Chân rằng tục đốt pháo có ở nước ta khi người Trung Quốc sang đô hộ.

Tra cứu cuốn sách An Nam chí lược [40] (cuốn sách sớm nhất ghi chép về địa lý, lịch sử, văn hóa của nước ta từ khởi nguyên đến cuối đời Trần), ở phần Phong tục, Lê Tắc [41] chép như sau: “Nước An Nam xưa là đất Giao Chỉ. Đời nhà Đường, nhà Ngu và đời Tam Đại, sự giáo hoá của Trung Quốc đã nhuần thấm đến...Ngày 30 Tết, vua ngồi giữa cửa Đoan Cung, các bề tôi đều làm lễ, lễ rồi, xem các con hát múa trăm lối... Dân gian thì mở cửa đốt pháo tre, cỗ bàn, trà rượu cúng tổ.”[42] Trước khi giành được tự chủ với chiến thắng của Ngô Quyền

năm 938, nước ta đã phải đối mặt với nhiều chính sách đồng hóa từ Trung Quốc, trong đó có việc đưa người dân Hán nước ta sang để đồng hóa. Tuy nhiên, trên cơ sở là một đất nước có cội nguồn, nền tảng văn hóa vững chãi; trước vô số những chính sách đồng hóa, ta vẫn giữ được bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc đồng thời cũng tiếp thu những phong tục mới của phương Bắc và chuyển tiếp biến thành phong tục của dân tộc với những nét riêng.

Người Trung Quốc ăn Tết và mang phong tục đốt pháo năm mới để xua đuổi tà ma vào nước ta, nhân dân ta cũng học theo đó mà đốt pháo trong dịp năm mới. Từ những phong tục mang vào nước ta để đồng hóa, dân ta biến những thứ của họ thành của mình, làm đa dạng và phong phú thêm nền văn hóa dân tộc.

Tục đốt pháo Tết của người Việt



Bức tranh mô tả cảnh đốt pháo, trồng cây nêu trước nhà của người Việt vào dịp Tết. “Kỹ thuật của người An Nam” - Henri Oger

Nguồn gốc tục đốt pháo Tết của người Việt

Nói đến tục đốt pháo của người Việt, trong Việt Nam phong tục tác giả Phan Kế Bính bày tỏ như sau: “Điển đốt pháo do ở Kinh Sở tuế thời ký: Sơn tiêu (ma núi) phạm vào người thì người sinh đau ốm, nó chỉ sợ tiếng pháo, hễ đốt pháo là nó

không dám đến. Nhưng tục ta thì cho tiếng pháo là tiếng vui chứ không có ý để trừ quỷ.”[43] Người soạn lại có quan điểm khác rằng, ban đầu, khi pháo du nhập vào Việt Nam quả thực là nhân dân đốt pháo để trừ quỷ. Cụ thể, trong sách An Nam chí lược phần Phong tục của Lê Tắc chép: “Ngày 30 Tết, vua ngồi giữa cửa Đoan Cung, các bề tôi đều làm lễ, lễ rồi, xem các con hát múa trăm lối. Tối lại qua cung Động Nhân, bái yết Tiên Vương. Đêm ấy đoàn thầy tu vào nội làm lễ Khu Na (nghĩa là đuổi tà ma quỷ mị). Dân gian thì mở cửa đốt pháo tre, cỗ bàn, trà rượu cúng tổ.”[44] Có thể thấy, trong đêm giao thừa, để trừ ma quỷ, trong cung đã tiến hành nghi lễ Khu Na còn nhân dân thì mở cửa nhà và đốt pháo tre.

Sang đến thế kỷ XV, trong bài thơ chữ Nôm Trừ tịch của Nguyễn Trãi (1380 - 1442) cũng nhắc đến tục đốt pháo tre và lễ Khu Na vào đêm Ba mươi Tết để xua đuổi ma quỷ, ôn dịch như sau: “□□□□ □□□□ / □□□□ □□□□. Chong đèn chực tuổi cay con mắt/ Đốt tre Khu Na dăng lỗ tai.”[45] Như vậy, qua An Nam chí lược của Lê Tắc và Trừ tịch của Nguyễn Trãi, có thể thấy, vào đêm giao thừa dân ta sẽ đốt pháo tre và tổ chức lễ Khu Na. Theo đó, người soạn tra cứu cuốn sách Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển của tác giả Trần Trọng Dương, giải thích nghĩa của từ Na (□) như sau: “Na là nghi thức xua đuổi các loài quỷ mang bệnh đến. Đây là một tập tục cổ được thực hiện lúc giao thừa. Ở Trung Quốc, nghệ thuật diễn xướng dân gian có na vũ □□ là loại múa đuổi tà dịch, cũng có na hý □□ trò vui đuổi quỷ dịch; trong đó người diễn đều đeo mặt nạ gỗ và diễn lại tích truyện mời thần xua tà, ban phúc. Vị thần xua tà, trừ diệt tật bệnh ấy được gọi là Na thần □□ . Trong buổi lễ Na, người thời cổ thường chặt tre vầu tươi, đốt lên để các đốt tre phát ra những tiếng nổ lớn. Lửa và tiếng nổ là biểu tượng quyền lực của thần Na, khiến các loài quỷ đều phải sợ. Sau này, người ta mới thay thế bằng pháo thuốc.”[46]

Dần dần, tục đốt pháo tết của người Việt có sự biến đổi, việc đốt pháo mang nhiều ý nghĩa khác nhau, như tác giả Bùi Xuân Mỹ trong sách Tục thờ cúng của người Việt viết: “Trước hết, pháo nổ nghe sảng khoái, vui tai như một lời chào mừng của con người trước thiên nhiên: năm mới đầy hy vọng đã tới; tiếng nổ âm vang trong trời đêm tĩnh mịch cũng sẽ xua đuổi tà ma, điều rủi. Những âm thanh này còn mang thêm ý nghĩa sâu sắc - một lễ nghi nông nghiệp. Người Việt cư dân trồng lúa nước thấy rõ hơn ai hết, mùa đông cần cỗi, đất ngủ, trời yên; mùa xuân, mùa gieo vãi, cấy trồng, người ta đánh thức đất dậy, như tục gọi gạo, gọi sấm về. Ở Việt Nam xưa kia, pháo là Tết, đốt pháo là thắp lên ngọn lửa lạc quan cho cuộc sống.”[47]

Quy định đốt pháo Tết trong hoàng cung triều Nguyễn

Theo Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ quyển 69 chép về việc bắn pháo trong hoàng cung vào thời vua Gia Long như sau: “Theo lệ định trong năm Gia Long mỗi năm đến tết Nguyên đán, vua ngự điện Thái Hòa, đặt đại quan làm lễ khánh hạ... Năm thứ 17, dụ: từ nay về sau, ngày tết chánh đán làm lễ khánh hạ, vua ngự điện Thái Hòa, khi thăng tọa, phát 9 tiếng ống lệnh (phàm gặp các lễ, vua ngự điện Thái Hòa đều theo như thế).”[48] Sang thời vua Minh Mệnh, theo Đại Nam thực lục quyển 36 chép, vào tháng 12 năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) về việc chuẩn định đốt pháo hằng năm làm lệ như sau: “Chuẩn định hằng năm trong ba đêm tết Nguyên đán, ở ngoài cửa Hữu Túc mỗi khắc phóng 10 phát ống lệnh, mỗi phát 5 đồng, 5 phân thuốc nổ. Ghi làm lệ. (Lệ trước mỗi khắc bắn 2 phát ống lệnh).”[49] Đến thời Tự Đức, bản tấu năm Tự Đức thứ 4 (1851) đã được vua Tự Đức ngự lãm và ngự phê cho biết: “Đầu năm, vào dịp Tết Nguyên đán, ngày mừng Một, Hoàng thượng đến cung Diên Thọ làm lễ khánh hạ. Chúng thần thỉnh xin tuân theo lệ trước, bắn bảy phát pháo.”[50] Pháo ống lệnh là cái ống làm bằng đồng, sắt hoặc bằng tre lớn, vỏ dày, đáy kín, bỏ thuốc súng vào rồi nện thật chặt, bên sườn có một lỗ nhỏ bằng hạt đỗ để cắm ngòi, nó còn được gọi là pháo lỏi.

Đốt pháo trong dân gian

Tối ngày Ba mươi tháng Chạp, gia chủ sẽ đốt một quả pháo trước lúc sang canh, quả pháo này mang ý nghĩa xua đuổi tà ma, điềm xấu trong năm cũ. Qua giao thừa sẽ có người đến xông đất, người này khi đến nhà gia chủ sẽ đốt một bánh pháo, khi tiếng pháo vừa dứt người này sẽ cất giọng chúc chủ nhà một năm mới tốt lành. Như vậy, tiếng pháo đầu tiên trong năm mới là tiếng pháo chúc mừng, đem theo lời chúc sức khỏe tài lộc đến với gia chủ. Sáng mừng Một tết, gia chủ sẽ mở cửa nhà đốt một quả pháo; nếu trong nhà có người sắp thi cử, gia chủ sẽ đốt ba quả pháo với mong muốn người nhà sẽ đỗ đầu cả ba kỳ thi: Hương, Hội, Đình. Đốt bốn quả pháo tương ứng với bốn thứ người ta cầu mong trong năm mới: Phúc, lộc, thọ, hỷ. Đốt sáu quả pháo mang ý nghĩa mang lại nhiều tài lộc, công việc phát đạt và giàu có cho gia chủ trong năm mới. Có nhà thì đốt cả trăm quả pháo để xác pháo đổ trải đầy sân nhà mang ý nghĩa biểu trưng cho sự thịnh vượng, tài lộc, may mắn, giàu có lan tỏa khắp nơi. Người Việt cũng quan niệm trong lúc đốt pháo, pháo mà nổ xẹt sẽ là điều không may mắn, tương tự, đối với tràng pháo, khi đốt âm thanh pháo nổ phải kéo dài và không được dứt đoạn.

Trên thực tế, đối với sản xuất nông nghiệp, dân ta đốt pháo ở cánh đồng, lửa và làn khói dày đặc giúp đuổi đi những loài động vật, côn trùng phá hoại, gây bệnh cho cây trồng, hoa màu như châu chấu, sâu bọ, chuột,... Ngoài ra, khi đốt pháo lượng lớn lưu huỳnh cháy trong không khí sẽ tạo ra khí sulfur dioxide (SO₂), khí

này giúp khử trùng và diệt khuẩn, do vậy người ta tin rằng đốt pháo có thể đẩy lùi dịch bệnh. Về tục “gọi gạo, gọi sấm về”, đây là một phong tục mang đậm yếu tố tâm linh của người Việt, người ta sẽ đốt lửa hoặc đốt pháo vào đêm giao thừa. Dân ta quan niệm tiếng pháo nổ tượng trưng cho tiếng sấm, nhằm cầu mong mưa thuận gió hòa để mùa màng bội thu. Cũng có quan niệm đốt nhiều pháo trong năm mới sẽ mang lại tài lộc cho gia đình. Trên thực tế, những người khá giả thường đốt nhiều pháo vì họ có khả năng tài chính, xem việc đốt pháo là niềm vui, đem lại sự phấn khởi trong dịp Tết đến. Ngược lại, những người không được dư lại hy vọng rằng việc đốt pháo sẽ mang lại tài lộc, tuy nhiên càng đốt thì tài lộc chẳng thấy đâu, mà chỉ thêm tốn kém.

Như vậy, thuở ban đầu, dân ta học theo và bắt chước đốt pháo xua đuổi tà ma, lâu dần văn hóa đốt pháo trong dân gian đã có sự biến đổi và mang nhiều ý nghĩa: đốt pháo để ăn mừng Tết đến, cầu chúc những điều tốt lành trong năm mới, cầu cho mùa màng bội thu, cầu tài lộc, đỗ đạt,... Tiếp thu, học hỏi, cải tiến và sáng tạo chính là hành trình mà pháo phát triển xuyên suốt chiều dài lịch sử Việt Nam.

Thi ca về tục đốt pháo Tết

Pháo đi vào thi ca Việt Nam một cách tự nhiên như một món ăn tinh thần của người Việt mỗi dịp Tết đến xuân về. Tiếng pháo trên khắp nẻo đường giục giã Tết về, khơi gợi trong lòng thi nhân nhiều cung bậc cảm xúc. Tết là dịp đoàn viên, gia đình, già trẻ quây quần bên nhau, cùng gói bánh chưng, ăn mâm cơm tất niên, ôn lại những khoảnh khắc đáng nhớ trong năm. Tiếng pháo nổ đì đùng tạo nên không khí phấn khởi, tươi vui mà già trẻ, trai gái đều thích thú.



Nguồn: Internet

Văn học viết

● Văn học trung đại

Câu đối

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh

Mua pháo đốt chơi, để anh em nghe có tiếng

Lên nêu chặt lại, cho làng nước biết không siêu

(Nguyễn Công Trứ)

Đuột trời ngắt một cây nêu, tối ba mươi ri vậy là tết

Vang đất đùng ba tiếng pháo, rạng ngày mừng một rúa cũng xuân

(Nguyễn Công Trứ)

Thơ

Tháng lụn năm cùng, sự chẳng cùng

Nửa đêm xuân lại nửa đêm đông

Gà kêu, pháo nổ năm canh trót

Mừng cội mai già gặp chúa Đông.

(Đêm trừ tịch - Đặng Đức Siêu)

Tết nhất anh ni ai nói nghèo

Nghèo mà lịch sự, đổ ai theo!

Bánh chưng chất chặt chừng ba chiếc

Rượu thuốc ngâm đầy độ nửa siêu

Trừ tịch kêu vang ba tiếng pháo

Nguyên triêu cao ngắt một gang nêu

Ai xuân, anh cũng chơi xuân với

Chung đỉnh ơn vua ngày tháng nhiều

(Tết nhà nghèo - Nguyễn Công Trứ)

Xác không vốn những cật tay người

Khôn khéo làm sao buộc cũng rời

Kêu lắm lại càng xơ xác lắm

Cũng mang một tiếng ở trên đời

(Cái Pháo - Nguyễn Hữu Chính)

Giấy xanh giấy trắng[51] ở tay người

Bao nổ công trình tạch cái thôi

Cao lắm lại càng xơ xác lắm

Cũng mang một tiếng ở trong đời

(Thơ pháo - Nguyễn Khuyến)

● **Văn học cận đại**

Câu đối

Thiên hạ xám rồi còn đốt pháo

Nhân tình bạc thế, lại bôi vôi

(Tú Xương)

Nực cười thay: nêu không, pháo không, vôi bột cũng không mà Tết.

Thôi cũng được: rượu có, nem có, bánh chưng cũng có thừa chơi.

(Tú Xương)

Tối Ba mươi, nghe pháo nổ ùng, ờ ờ Tết

Sáng mừng Một, chạm nêu đánh cộc, à à Xuân

(Nguyễn Khuyến)

Ai nấy đại vô cùng, pháo pháo nêu nêu kinh những quý

Ta nay nhàn bất trị, chè chè rượu rượu sượng bằng tiên

(Nguyễn Khuyến)

Thơ

Xuân từ trong ấy mới ban ra,

Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà.

Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột[52].

Om thòm trên vách bức tranh gà[53].

Chí cha, chí chít, khua giày dép,

Đen thúi, đen thui, cũng lượt là,

Dám hỏi những nơi nơi cố quận

Rằng: “Xuân , Xuân vẫn thế ru mà?”

(Xuân - Tú Xương)

● **Văn học hiện đại**

Sách giáo khoa

Trong Tân Quốc văn lớp tư, quyển 2, trang 31, bài “Tập đọc: Gói bánh chưng” tác giả Trần Tiêu viết: “Có nêu cao, phải có pháo nổ, bánh chưng xanh chứ lì.”[54] Trong “Bài giảng: Ngày tết”, trang 32 viết: “Tết! tết! vui sướng biết chừng nào! Tôi dậy sớm và mặc quần áo đẹp. Rồi tôi mừng tuổi ông bà, cha mẹ và anh chị em tôi. Cúng tổ tiên và ăn cỗ xong, tôi đi lễ tết các nhà trong họ: đến đâu cũng là đốt pháo, ăn mứt kẹo, cắn hạt dưa chúc tụng nhau mọi điều hạnh phúc.”[55]

Thơ

....

Cả thành phố như nổ

tiếng pháo rền vang xa

có một lão bị gậy

khóc khàn trên sân ga

....

Cả thành phố như toác
xác pháo dày vĩa hè
có chú bé đi bụi
khoèo mé hiên lắng nghe

....

(Về - Nguyễn Duy)

...Không như mọi bận người mua quà
Chỉ mua pháo chuột và tranh gà
Cho các em tôi đưa mỗi chiếc
Dán lên khắp cột, đốt inh nhà...

(Tết của mẹ tôi - Nguyễn Bính)

Pháo đốt vui xuân rộn phố phường,
Xuân về riêng cảm khách văn chương.
Hong phơi lóa mắt chùm hoa giấy,
Trắng nhuộm phơ đầu mái tóc sương.
Cành liễu đông tây cơn gió thổi,
Con tầm sống thác sợi tơ vương.
Xuân này biết có hơn xuân thổi,
Hay nữa xuân tàn hạ lại sang?

(Cảm xuân - Tản Đà)

Văn học dân gian

Tục Ngữ

“Nhất pháo kêu, nhì nêu cao.”

Cái kiến kiện củ khoai: Chèo cải lương

“Anh Kiến Lửa ra đốt pháo mừng. Nói lối - Tôi tên gọi thằng kiến lửa, nghe kiến con đi làm cửa làm nhà, chỗ họ làng thân thích gần xa, tôi mừng tôi đốt một phong pháo nổ.

Hát lừng: Pháo, pháo đâu mà nổ, thuốc đâu mà nổ, chứ hần cái thằng Kiến Lửa nó châm nó đốt, nó sỗ ngời lung tung; ới cái thằng Kiến Lửa kia ời, mày đốt pháo đi đừng (láy), nổ ran mặt đất mấy nổ vung lung giời; mày đốt thử mày chơi (láy) chớ nếu mày đốt thật mấy đất giời cũng long; này pháo nổ đi đừng (láy) vừa vung vừa nẩy mấy tứ tung ngũ hành; nay tháng tốt ngày lành, (láy) đuốc hoa rực rỡ rực rỡ cô mình về làm dâu, cô mình về làm dâu.”[56]

Hát nói

“Trông cây có chiều xuân như hớn hở,

Nhìn non sông tắc dạ vẫn âm thầm,

Kia năm châu chuông trống giục vang âm,

Mà phong cảnh giới Nam sao lặng lẽ?

Pháo nổ mong khua hồn mộng mị

Hương thơm còn nồng vị hôi tanh

Nào những ai: đường xa vợ vẫn bước, nước cũ vẫn vương tình.

Nghĩ nông nổi sao đánh yên tắc dạ?

Bước lầm lỡ từ xưa thôi đã quá,

Đường tiến tu sau đó phải ra công,

Chớ như ai, mắng vui xa mã, quên chuyện non sông

Mà vợ vẫn trong vòng danh với lợi,

Nghe tiếng pháo ai ời mau tỉnh lại,

Kia chúa xuân chờ đợi những ai kia...

Yêu xuân nên quyết một bề.”[57]

Tổng kết

Cả ngàn năm du nhập, tục đốt pháo Tết được nhân dân ta lĩnh hội và tiếp thu dần trở thành một phong tục không thể thiếu trong mỗi dịp tết Nguyên đán. Ban đầu, dân ta đốt pháo để xua đuổi tà ma, dịch bệnh, điềm xấu; dần dần đốt pháo trở thành phong tục để chào đón năm mới, cầu cho mùa màng bội thu, một trò chơi đối với trẻ nhỏ, thấy tiếng pháo là thấy tết. Cho đến thời điểm hiện tại, dù pháo nổ đã bị cấm đốt, nhưng đêm Ba mươi Tết, nhà nước vẫn tổ chức các điểm bắn pháo hoa cho người dân cùng xem và đón Tết. Ngoài ra, nghị định 137 năm 2020 cho phép người dân được sử dụng pháo hoa không nổ, các loại pháo được đốt phải được mua từ các điểm bán của Bộ Quốc phòng và không được phép buôn bán qua lại cho người khác. Phong tục đốt pháo truyền thống của dân tộc không mất đi mà được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo vui Tết an toàn.

Tác giả: **Thủy Nguyễn** - CLB Di sản và văn hóa Á Đông

Tài liệu tham khảo:

Tài liệu tiếng Việt:

1. Nguyễn Thế Anh, Bửu Cầm, Phan Khoang,...(1967), Tập san Sử Địa: Đặc khảo về phong tục Việt Nam và các nước lân bang, Nhà sách Khai Trí.
2. Phan Kế Bính (2005), Việt Nam phong tục, Nxb Văn học.
3. Tào Tuyết Cần, Hồng lâu mộng, bản ebook của vnthuquan.net.
4. Nam Chân (1933), “Tiếng pháo ngày xưa”, Hà Thành ngọc báo, số 1625
5. Trần Ngọc Chụ, Nguyễn Quý Bính, Hoàng Đình Tuất (1950), Tân Quốc văn lớp tư, quyển 2, Nhà in Nam Sơn.
6. Trần Trọng Dương (2018), Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển, Nxb Văn học.
7. Tản Đà (1952), Tản Đà vận văn, Nxb Hương Sơn.
8. Hà Thành ngọc báo, số 1701, 4/5/1933.
9. Hội Khai trí Tiến Đức (1954), Việt Nam tự điển, Nxb Văn Mới.
10. Trần Tuấn Khải (1927), Bút quan hoài, Nhà in Long Quang.
11. Nguyễn Thúc Khiêm (1928), Cái kiến kiện củ khoai: Chèo cải lương, Nxb Thực Nghiệp.
12. Nguyễn Khuyến (1925), “Thơ pháo”, Tạp chí Nam Âm.
13. Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Phạm Duy Khiêm (1940), Việt Nam văn phạm, Nxb Tân Việt.
14. Bùi Xuân Mỹ (2001), Tục thờ cúng của người Việt, Nxb Văn hoá - Thông tin.
15. Nguyễn Văn Ngọc (1952), Nam thi hợp tuyển, Nxb Bốn phương.
16. Nội các triều Nguyễn (2005), Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Nxb Thuận đức.

17. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, Nxb Giáo dục.
18. Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), Khâm định Việt sử thông giám cương mục tiền biên, Nxb Giáo dục - Hà Nội.
19. Lê Tắc (2009), An Nam chí lược, Nxb Lao động.
20. Nguyễn Trãi (1960), Dư địa chí, Nxb Sử học.
21. Nguyễn Trãi, “Trừ tịch”, Quốc âm thi tập, bài 194, Hội Bảo tồn di sản chữ Nôm Việt Nam
22. Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Nguyễn, Tự Đức, tập 33, tờ 215.

Tài liệu tiếng Trung:

1. Ban biên soạn Nhà xuất bản Ngữ văn (2006), “Nguồn gốc của Niên”, Ngữ văn tam niên, tập 1, Nxb Ngữ Văn.
2. Trần Trạch Huy (2008), Nghệ thuật dân gian Trường Sa, Nxb Truyền thông Ngô Châu.
3. Khâm định cổ kim đồ thư tập thành - Lịch tượng hồi biên - Tuế công điển, quyển 95: Trừ tịch bộ tạp lục.
4. Chu Mật, Vũ Lâm cựu sự.
5. Tiểu Đường, Kim Thích Học, Kiếm Cương Quỹ hợp biên (1911), Đông quốc tuế thời ký, Nxb Tân Văn Quán.
6. Tông Lãm, Kinh Sở tuế thời ký.
7. Đào Tông Nghi, Mặc nga tiểu lục, tập 6
8. Tôn Vũ Sinh, “Những ghi chép cũ về phương ngữ Thượng Hải - Hồi ức về phong tục năm mới”, Báo Kim cương toàn, số ra tháng 1/1933.
9. Đoàn An Tiết, Nhạc phủ tạp lục.
10. Lạc Lạc Thú, Quá Niên lạc, tập 2.

Chú thích:

[1] Trước thời Tần (là nhà Tần trong thời Chiến Quốc tồn tại từ năm 475 TCN - 221 TCN, trước khi Tần Thủy Hoàng thống nhất 7 nước: Tần, Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Tề, và Yên), đã tồn tại một nghi thức cúng tế gọi là Bộc tế (𤑔𤑔).

[2] Phạm Lãi (536 TCN - 448 TCN), tên tự là Thiệu Bá (𡈼𡈼), còn gọi là Phạm Bá (𡈼𡈼), Đào Chu Công (𡈼𡈼𡈼), là một danh thần của nước Việt (nước Việt của vua Câu Tiễn) thời Xuân Thu Chiến Quốc, nổi tiếng thông tuệ, học thức và vai trò quan trọng trong việc giúp Việt Vương Câu Tiễn phục quốc, xây dựng lại nước Việt, tiêu diệt nước Ngô. Ông nổi tiếng như một thần đồng, từ kinh sử, văn học, đến kinh tế lẫn chính trị đều hơn người, các tác phẩm của ông như Bình pháp (𡈼𡈼), Đào Chu Công dưỡng ngư kinh (𡈼𡈼𡈼𡈼𡈼) là cuốn sách nói về nuôi cá sớm nhất ở Trung Quốc. Về cuối đời, ông định cư tại làng An Nghĩa Đào

(nay là thị trấn Đào, thành phố Vận Thành, tỉnh Sơn Tây), tự xưng là Chu Công nên cái tên Đào Chu Công từ đó mà ra đời.

[3] Đây là một nghi lễ nông nghiệp, dùng ánh lửa của cây tre để soi sáng ruộng đồng nuôi tằm, với ý nghĩa cầu chúc mùa màng bội thu và tằm cho nhiều kén. Người nông dân thông qua việc quan sát màu sắc và hình dạng của ánh lửa để dự đoán mùa màng năm mới, thể hiện sự tôn kính với tự nhiên và mong ước vụ mùa tốt đẹp.

[4] Khâm định cổ kim đồ thư tập thành - Lịch tượng hồi biên - Tuế công điển, quyển 95: Trừ tịch bộ tạp lục.

[5] Nhà Lương (梁) (502 - 557), còn gọi là nhà Nam Lương (南梁), là triều đại thứ ba của Nam triều trong thời kỳ Nam Bắc triều ở Trung Quốc (sau thời kỳ của triều đại Nam Tề và trước thời kỳ của triều đại Trần). Kinh đô đặt tại Kiến Khang (nay là Nam Kinh).

[6] Kinh sở tuế thời ký (梁代歲時記) là một tác phẩm ghi chép về phong tục, tập quán và những câu chuyện liên quan đến các tiết khí và mùa vụ của vùng đất Sở (khu vực trung tâm là Giang Hán) trong lịch sử Trung Quốc cổ đại. Tác phẩm này được biên soạn dưới dạng ghi chép, do Lương Tông Lãm (梁宗良, khoảng 501 - 565) của triều đại Nam Bắc triều viết. Cuốn sách có tổng cộng 37 chương, ghi lại 24 tiết khí và phong tục từ ngày tết Nguyên Đán đến đêm giao thừa. Trong phần chú thích, Đỗ Công Thiện (nhà Tùy) đã trích dẫn các kinh điển và những truyền thuyết dân gian (bộ sách và hơn 80 đoạn) để giải thích nguồn gốc của các phong tục, thỉnh thoảng cũng ghi lại các phong tục và tiết khí của khu vực phương Bắc.

[7] Ngày mừng Một tháng Giêng âm lịch là sự khởi đầu của ba yếu tố: năm, tháng và ngày. Vào thời xưa, người ta gọi ngày này là Tam Nguyên.

[8] Đoan Nguyệt (端月): Có nghĩa là tháng đầu tiên (tháng Giêng âm lịch), bắt đầu được sử dụng từ thời Xuân Thu.

[9] Kinh sở tuế thời ký 梁代歲時記, Minh san bản năm Chính Quang thứ 2, bản kết tập do Hán cục từng thư kết lại trong Tứ Bộ, lưu tại Thư khố Đài Loan, tờ 1b phần chính văn.

[10] Trường Sa (長沙) là tên một thành phố trực thuộc Hồ Nam, Trung Quốc.

[11] Lưu Dương (瀏陽) là thành phố cấp huyện thuộc Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Ngày nay Lưu Dương vẫn luôn đi đầu về sản xuất pháo của Hồ Nam nói riêng và Trung Quốc nói chung. Năm 1995, thành phố Lưu Dương được

Trung Quốc trao tặng danh hiệu danh dự là "Quê hương pháo hoa Trung Quốc". Năm 2006, kỹ thuật sản xuất pháo hoa của Lưu Dương đã được đưa vào loạt dự án đại diện di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

[12] Trần Trạch Huy, Nghệ thuật dân gian Trường Sa, bản ebook, 2008, chương 2.

[13] Hỏa dược 火药 (thuốc nổ) là một trong tứ đại phát minh vĩ đại của Trung Quốc cổ đại, tuy nhiên khoảng thời gian đầu, do không biết ứng dụng, hỏa dược chỉ được dùng để làm pháo. Đến thời nhà Tống, các cuộc chiến tranh liên tiếp diễn ra, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của hỏa dược trong ứng dụng vũ khí quân sự.

[14] Thái Tông Hoàng đế ở đây là Đường Thái Tông (598 - 649), ông tên thật Lý Thế Dân là vị Hoàng đế thứ hai của triều đại nhà Đường trong lịch sử Trung Quốc, trị vì từ năm 626 đến năm 649.

[15] Lý Diên (621 - 690) tự là Chu Sinh. Ông được tôn kính là tổ sư của pháo nổ Trung Quốc. Theo ghi chép, Lý Diên sinh ngày 18 tháng 4, năm Vũ Đức thứ 4 đời Đường (621), tại làng Mã Thạch, biên giới Hồ Nam và Giang Tây. Lý Diên nổi tiếng vì phát minh ra pháo. Ông dùng diêm tiêu trong ống tre tạo ra làn khói đẩy lùi khí độc, làm giảm sự lây lan của ôn dịch. Ông được lập đền thờ và công viên, quảng trường tưởng niệm tại các tỉnh Hồ Nam và Giang Tây.

[16] Vũ Lâm cựu sự được viết trước năm thứ 27 của nhà Nguyên (1290). Đây là tác phẩm gợi nhớ sự phồn hoa đô thị của Lâm An, kinh đô của Nam Tống. Cuốn sách có tổng cộng mười tập, tác giả kể chi tiết các nghi lễ triều đình, phong tục miền núi, giao thương, cảnh vật bốn mùa,... dựa trên những gì tác giả được chứng kiến, nghe thấy và sách cũ ghi chép lại.

[17] Tuế trừ là đêm 30 tháng Chạp hay còn gọi là đêm giao thừa, đêm trừ tịch.

[18] Chu Mật (1232 - 1298 hoặc 1308), ông là người ở Ngô Hưng (nay là thành phố Hồ Châu, tỉnh Chiết Giang), tổ tiên gốc ở Ký Nam. Chu Mật là nhà thơ, nhà văn và là một chuyên gia về thư họa vào cuối triều đại Tống và đầu triều đại Nguyên.

[19] Chung Quỳ là vị thần cai quản và trừ tà trong văn hóa dân gian Trung Quốc. Ông được vua Đường Huyền Tông phong danh hiệu "Trần trạch Thánh Quân" và "Vạn ứng chi Thần", đã được Đạo giáo đưa vào hệ thống thần linh của mình.

[20] Chu Mật, Vũ Lâm cựu sự, Tập 3, phần Tuế trừ, tr. 14.

[21] Nguyên tịch là đêm cuối năm trước tết Nguyên Đán hay còn được gọi là đêm 30.

[22] Nhi giá (車駕): Một từ cổ chỉ xe của Hoàng thượng được sử dụng các nghi lễ, sự kiện trang trọng.

[23] Chu Mật, Vũ Lâm cự sự, Tập 2, phần Nguyên tịch, tr. 14.

[24] Mặc nga tiểu lục là cuốn sách được viết vào khoảng cuối thời nhà Nguyên và đầu thời nhà Minh. Đây là một cuốn sách tổng hợp có nội dung rất rộng, có tổng cộng 14 tập chứa đựng kiến thức thực tiễn về đa lĩnh vực nông nghiệp, y khoa, hóa học,... Ấn bản in sớm nhất xuất hiện vào năm Long Khánh thứ 5 nhà Minh (1571).

[25] Tào Tông Nghi (1329 - 1412), tên tự là Cử Thành, hiệu là Nam Thôn, người quê ở Hoàng Nham, Thái Châu. Ông là một nhà văn và sử gia vào cuối thời nhà Nguyên và đầu thời nhà Minh.

[26] Tào Tuyết Cần, Hồng lâu mộng, hồi 54, bản ebook của vnthuquan.net.

[27] Tôn Vũ Sinh, “Những ghi chép cũ về phương ngữ Thượng Hải - Hồi ức về phong tục năm mới”, Báo Kim cương toàn, số ra 1/1933

[28] Nhân Dân nhật báo (人民日報) là một tờ báo ra hàng ngày ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, ra đời ngày 15 tháng 6 năm 1948, là một cơ quan của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

[29] Triệu Từ Phong, Khương Tân Dân, “Truyền thuyết và phong tục ngày Tết, Nhân Dân nhật báo, số ra ngày 16/2/1980, tr. 4.

[30] Silla (新羅, 新羅) (57 TCN - 935) là một trong ba vương quốc cổ đại cùng với Baekje và Goguryeo. Cương vực lãnh thổ của Silla ngày nay là một phần thuộc lãnh thổ Hàn Quốc.

[31] Triều đại Goryeo (高麗, 高麗, Cao Ly) (918 - 1392) là một triều đại cổ đại kéo dài khoảng 474 năm, lãnh thổ của Goryeo hiện nay nằm trong thổ của hai nước Triều Tiên và Hàn Quốc.

[32] Choi Moo Seon (1325 - 1395) con trai của Đô đốc Choi Dong Soon, sống ở thời kỳ cuối triều đại Goryeo, tại thành phố Yeongju (khu vực Yeongcheon, tỉnh Bắc Gyeongsang ngày nay).

[33] Triều đại Joseon (朝鮮, 朝鮮, Triều Tiên) (1392 - 1897) là triều đại lớn và lâu dài nhất trong lịch sử phát triển của bán đảo Triều Tiên. Lãnh thổ của Joseon

ngày nay là lãnh thổ của Triều Tiên và Hàn Quốc.

[34] Đông quốc ở đây là cương vực của Bán đảo Triều Tiên hiện nay bao gồm cả Triều Tiên và Hàn Quốc. Trung Quốc tự xưng là Thiên triều, trung tâm của trời đất, xem các quốc gia xung quanh là chư hầu. Đông quốc bắt nguồn từ An Đông đô hộ phủ - một chính quyền nhà Đường (Trung Quốc) thiết lập tại Bán đảo Triều Tiên vào năm 668.

[35] Đông quốc tuế thời ký (東國歲時記) là tên một cuốn sách của Đào Nhai Hồng (1781 - 1857) soạn đời vua Hiến Tông, bản thảo hoàn thành vào năm Hiến Tông thứ 15 (1849). Sau này được một học giả tên Đới Nhượng chỉnh lý, bổ sung vào năm Đinh Dậu (có thể là 1907), tới năm 1911 được Nxb Tân Văn Quán hợp biên cùng một số sách viết về phong tục và cho xuất bản, với tên Đông Quốc tuế thời ký. Nội dung sách nói về nguồn gốc, phong tục quanh năm của các địa phương trên lãnh thổ bán đảo Triều Tiên ngày nay.

[36] Nhà Nguyên (1271 - 1368) được thành lập bởi Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt vào năm 1271, kế thừa toàn bộ lãnh thổ của đế quốc Mông Cổ hùng mạnh. Năm 1279 Hốt Tất Liệt công diệt thành công Nam Tống, thống nhất Trung Quốc, kết thúc cục diện hơn 400 năm chia cắt thành các nước nhỏ của Trung Quốc từ hậu Đường. Đây cũng là lần đầu tiên người Hán bị đặt dưới sự cai trị của một triều đại không phải do người Hán lập ra.

[37] Tiểu Đường, Kim Thích Học, Kiếm Cương Quỹ hợp biên, Đông quốc tuế thời ký, phần Trừ tịch, Nxb Tân Văn Quán, tr. 48, in ngày 15/7/1911.

[38] Văn bản gốc của sách được lưu tại Thư viện Quốc gia Nhật Bản, theo thông tin biên mục, sách được soạn bởi 田代 能世 Biện Nội Thị vào khoảng thời gian từ tháng 1 năm 1246 đến tháng 10 năm 1252. Văn bản tham khảo lấy từ Thư viện Quốc gia Nhật Bản, in chung trong sách Cung đình nữ lưu nhật ký văn học, phát hành năm 1965.

[39] Nam Chân, "Tiếng pháo ngày xưa", Hà Thành nguyệt báo, số 1625, 1933, tr. 1.

[40] Sau sự sụp đổ của nhà Hồ, nước ta rơi vào 20 năm Minh thuộc, để dễ bề cai trị, nhà Minh đã hủy hoại rất nhiều bộ sách quý của nước ta từ nhà Hồ trở về trước (như học thuật, tư tưởng, phong tục, tập quán, sử ký, địa lý, văn chương, thi ca...). Vậy nên, An Nam chí lược là một bộ sách sử do Lê Tắc (1263 - 1342) biên soạn khi sống lưu vong tại Trung Quốc ở khoảng nửa đầu thế kỷ 14 được xem như là bộ sử sớm nhất ghi chép về nước ta còn tồn tại. Nội dung sách ghi chép hỗn hợp về địa lý, lịch sử, văn hóa của nước ta từ khởi thủy đến cuối đời

Trần. Nguyên bản có 20 quyển, nhưng hiện tại chỉ còn 19 quyển.

[41] Lê Tắc (1263 - 1342) là hậu duệ của Nguyễn Phú (李休), Thứ sử Giao Châu (tương đương với khu vực miền Bắc Việt Nam ngày nay). Khi còn nhỏ, Lê Tắc đã được đưa về nuôi dưỡng bởi ông ngoại là Lê Bằng (李傍), nên đã đổi họ từ Nguyễn (阮) thành Lê (李). Khi trưởng thành, Lê Tắc gia nhập quân đội nhà Trần (陳) và làm phụ tá cho Trần Kiện (陳堅), một vị tướng dưới triều đại nhà Trần. Năm 1285, quân Nguyên Mông đánh Đại Việt, Trần Kiện thua trận đầu hàng, Trần Kiện và Lê Tắc bị đưa về Đại Đô. Tại đây, Lê Tắc được bổ nhiệm làm Thị lang và định cư ở Hán Dương, thuộc tỉnh Hồ Bắc. Bộ sách An Nam chí lược được ông soạn trong khoảng thời gian sống lưu vong trên đất Trung Quốc.

[42] Lê Tắc, An Nam chí lược, Nxb Lao động, 2009, tr. 67 - 68.

[43] Phan Kế Bính, Việt Nam phong tục, Nxb Văn học, 2005, tr. 44

[44] Lê Tắc, An Nam chí lược, Tlđđ, tr. 15.

[45] Nguyễn Trãi, “Trừ tịch”, Quốc âm thi tập, Hội Bảo tồn di sản chữ Nôm Việt Nam.

[46] Trần Trọng Dương, Nguyễn Trãi Quốc âm từ điển, Nxb Văn học, 2018.

[47] Bùi Xuân Mỹ, Tục thờ cúng của người Việt, Nxb Văn hoá - Thông tin, 2001, tr. 196 - 197.

[48] Nội các triều Nguyễn, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Nxb Thuận Hóa, 2005, tập IV, tr. 23.

[49] Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Nxb Giáo dục, 2007, tập 2, tr. 467.

[50] Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Châu bản triều Nguyễn, Tự Đức, tập 33, tờ 215.

[51] Ngày xưa, người ta thường vẽ pháo bằng giấy xanh và giấy trắng.

[52] Pháo chuột là loại pháo phổ biến ở miền Bắc mà trẻ con rất thích đốt. Pháo chuột cũng là pháo tim đầu, được kết một lớp, dài hai tấc không hơn không kém và được nhuộm màu xanh lục, màu đỏ, màu vàng và màu trắng giống như bốn màu của các quân bài tứ sắc. Pháo chuột ít nguy hiểm vì lượng thuốc pháo rất nhỏ, khi đốt lên, nổ lép bép nghe rất vui tai.

[53] Trước đây, vùng đồng bằng sông Hồng, gần đến tết thì từ thôn quê đến phố chợ xuất hiện một loại tranh màu gọi là tranh tết. Tiêu biểu nhất là tranh

gà, tranh lợn, tranh ếch, tranh chuột, tranh húng dứa,...

[54] Trần Tiêu, “Tập đọc: Gói bánh chưng”, Tân Quốc văn lớp tư, Nhà in Nam Sơn, 1950, Quyển 2, tr. 31.

[55] “Bài giảng: Ngày tết”, Tân Quốc văn lớp tư, Nhà in Nam Sơn, 1950, Quyển 2, tr. 32.

[56] Nguyễn Thúc Khiêm, Cái kiến kiện củ khoai: Chèo cải lương, Nxb Thực Nghiệp, 1928, tr. 16 - 17.

[57] Trần Tuấn Khải, Bút quan hoài, Nhà in Long Quang, 1927, tr. 29.